

Bản án số: 01/2022/DS-ST  
Ngày: 14-6-2022  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản  
trong hợp đồng mua bán gỗ keo

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Ngoan;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Vũ;
2. Ông Trần Thanh Hoài.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng mua bán gỗ keo” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 26/5/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tấn V;

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**\* Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Cường;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị H;
2. Bà Trần Thị S;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông V có mặt tại phiên tòa; bà C yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; bà H, bà S vắng mặt không lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/12/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày:*

Vào ngày 31/3/2020, giữa ông Nguyễn Tấn V với bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S có thỏa thuận về việc mua bán rẫy keo của gia đình bà Nguyễn Thị C tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi với giá 21.000.000đồng, hai bên thỏa thuận ông V được nuôi giữ cây đến năm 2021 thì ông V khai thác cây trả lại đất. Sau khi thỏa thuận ông V đã giao đủ số tiền trên cho bà Trần Thị S đại diện nhận tiền.

Đến đầu năm 2021, khi ông V bắt đầu khai thác số cây keo mà ông đã mua của bà C thì ông Trần Văn P là con của bà C ngăn cản không cho ông khai thác. Lý do ông P không cho khai thác vì ông cho rằng rẫy keo này ông cũng có một phần quyền lợi, nhưng việc mua bán không hỏi ý kiến và được sự đồng ý của ông. Ông V đã nhiều lần yêu cầu bà C, bà H, bà S can thiệp để ông được khai thác keo hoặc trả lại tiền ông đã đưa mua keo nhưng bà C, bà H, bà S né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm cho nhau.

Nay ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S phải trả cho ông số tiền 21.000.000 đồng mà ông đã mua cây keo của bà C và không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

*\* Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Nguồn gốc đám keo mà các bên mua bán là do bà C và ông P (con đẻ bà) trồng. Ông P thường xuyên phát dọn, chăm sóc.

Ngày 31/3/2020, bà Trần Thị S và bà Trần Thị H đứng ra bán đám keo này cho ông Nguyễn Tấn V. Việc giao nhận tiền giữa ông V và bà S, bà H như thế nào thì bà C không rõ. Chữ ký trong “Giấy bán keo” do bà ký tên nhưng do bà S, bà H bảo bà ký chứ bà không biết nội dung mua bán giữa ông V và bà S, bà H như thế nào. Bà C không nhận số tiền 21.000.000 đồng từ việc bán cây keo cho ông V, nhưng bà C thừa nhận bà S có đưa tiền cho bà một số tiền nhưng không nhớ cụ thể

là bao nhiêu. Nay ông V yêu cầu bà C trả lại số tiền 21.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

*\* Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trình bày:*

Bà là con gái ruột của bà Nguyễn Thị C. Ngày 31/3/2020, mẹ bà là Nguyễn Thị C có bán cho ông Nguyễn Tấn V một rẫy keo số lượng khoảng 3.000 cây với số tiền 21.000.000 đồng. Lúc mua bán có sự chứng kiến của bà S, bà Trần Thị H (chị gái bà) và bà Nguyễn Thị C. Ông V đã giao đủ số tiền 21.000.000 đồng. Bà Trần Thị S thừa nhận bà là người trực tiếp nhận tiền của ông V, sau đó bà có đưa tiền cho bà C giữ một ít, bà S giữ một ít, bà H giữ một ít nhưng thời gian đã lâu nên không nhớ rõ mỗi người giữ bao nhiêu tiền. Sau này, ông Trần Văn P (em trai bà) không cho mẹ bà bán và cũng không cho ông V khai thác đấm keo trên. Lý do như thế nào thì bà không rõ.

*\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông bà Trần Thị H:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay bà H vẫn không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của bà H.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 97/TB-TA, ngày 09/3/2022; Thông báo về hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 146/TB-TA, ngày 25/3/2022; Thông báo kết quả phiên họp số 209/TB-TA ngày 18/4/2022. Tuy nhiên, bà S, bà H đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Bà S, bà H cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 166, Điều 288, Điều 291, Điều 444 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Cg, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Tấn V số tiền 21.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tính lãi suất của ông Nguyễn Tấn V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, bà Trần Thị S vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bà C, bà H, bà S theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp.

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo ông V trình bày trước đây giữa ông với bà C, bà H, bà S có thỏa thuận mua bán keo và ông đã giao đủ số tiền 21.000.000đồng cho bà C, bà H, bà S. Sau đó, ông đến khai thác keo thì ông Trần Văn P ngăn cản không cho khai thác, ông đã nhiều lần yêu cầu bà C, bà H, bà S can thiệp để ông được khai thác keo hoặc trả lại tiền ông đã đưa mua keo nhưng bà C, bà H, bà S né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ông V yêu cầu bà C, bà H, bà S phải trả số tiền 21.000.000đồng mà ông đã đưa cho 03 bà, không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng mua bán gỗ keo” được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung vụ án:

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn V vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S liên đới phải trả cho ông V

số tiền 21.000.000 đồng đã đưa cho 03 bà vào ngày 31/3/2020. Căn cứ vào đơn khởi kiện, phần trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa; căn cứ vào bản trình ngày 16/11/2021 của bị đơn bà Nguyễn Thị C và lời khai của bà Trần Thị S ngày 17/11/2021, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: Vào ngày 31/3/2020, giữa ông Nguyễn Tấn V với bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S có thỏa thuận về việc mua bán rẫy keo của gia đình bà Nguyễn Thị C tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi với giá 21.000.000đồng. Ngay sau khi thỏa thuận ông V đã giao đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S. Việc mua bán này hoàn toàn tự nguyện, có lập biên bản và có xác nhận chữ ký của các bên tham gia. Tuy nhiên, đến khi ông V đến khai thác keo thì ông Trần Văn P là con của bà Nguyễn Thị C và là em ruột của bà Trần Thị H, Trần Thị S ra ngăn cản không cho khai thác với lý do rẫy keo này ông cũng có một phần quyền lợi, nhưng việc mua bán không hỏi ý kiến và được sự đồng ý của ông. Ông V đã nhiều lần yêu cầu bà C, bà H, bà S can thiệp để ông được khai thác keo hoặc trả lại tiền ông đã đưa mua keo nhưng bà C, bà H, bà S né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Như vậy, bà C, bà H, bà S đã không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của bên bán tài sản đối với bên mua. Nay bên mua ông V không yêu cầu bà C, bà H, bà S phải giao tài sản đã bán mà chỉ yêu cầu trả lại tiền đã giao cho bên bán. Căn cứ Điều 166, Điều 288, Điều 291, Điều 444 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ, buộc bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S phải trả cho ông Nguyễn Tấn V số tiền 21.000.000đồng.

- Về trách nhiệm liên đới: Qua lời khai của bà Nguyễn Thị C xác nhận chữ ký trong giấy bán keo là của mình, nhưng người nhận tiền là bà S và bà H, ông V cũng thừa nhận ông đưa khoản tiền trên cho bà S, bà H nhận. Bà Trần Thị S thừa nhận có nhận tiền của ông V, sau đó bà có đưa tiền cho bà C giữ một ít, bà S giữ một ít, bà H giữ một ít nhưng thời gian đã lâu nên không nhớ rõ mỗi người giữ bao nhiêu. Như vậy, việc sử dụng số tiền trên cả 03 bà đều có phần chia nhau sử dụng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hoàn trả, đồng thời do không xác định cụ thể số tiền mỗi người được hưởng nên trách nhiệm hoàn trả thuộc sự liên đới của 03 bà là như nhau. Trường hợp sau này giữa 03 bà có sự tranh chấp về trách nhiệm hoàn trả khoản tiền nêu trên thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Theo đơn khởi kiện ông V yêu cầu tính lãi suất với số tiền 2.070.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Việt rút yêu cầu về tính lãi suất với số tiền 2.070.000đồng. Mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông V vẫn giữ nguyên quan điểm về việc rút yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc rút yêu cầu của ông V là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tính lãi suất

với số tiền 2.070.000đồng theo quy định tại Điểm c, khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông V được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 21.000.000 đồng x 5% = 1.050.000 đồng

Ông Nguyễn Tấn V không phải chịu án phí nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Tấn V là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào khoản 14 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 228, Điểm c, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 166, Điều 288, Điều 291, Điều 444 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn V, buộc bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S liên đới trả cho ông Nguyễn Tấn V số tiền 21.000.000đồng (*hai mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tính lãi suất của ông Nguyễn Tấn V.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, bà Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.050.000 đồng (*một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp số tiền 577.000 đồng (năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001011 ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14/6/2022, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Ngô Văn Ngoan**